MÔ HÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở EU VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁP LUẬT KINH TẾ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THU THOA(*)
Khoa Luật và Khoa học Chính trị,
Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
ĐINH ĐỨC MẠNH
Trường Đại học Kinh tế - Luật,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 02/7/2025. Sửa chữa xong 07/7/2025. Duyệt đăng 12/7/2025.

Abstract

The internal control model of credit institutions in the EU is designed to ensure safety, transparency, and operational efficiency, grounded in the Basel principles on risk management and regulatory compliance. This system requires independent control mechanisms, closely supervised by boards of directors and specialized committees. The EU places particular emphasis on transparency, accountability, and the application of technology in risk management. Vietnam should draw lessons from the EU experience to improve its legal framework, enhance the quality of internal audits, and meet the demands of international integration.

Keywords: *Internal control, transparency, accountability, legal framework, risk management.*

1. Đặt vấn đề

Kiểm soát nội bộ là yếu tố then chốt đảm bảo an toàn và ổn định của hệ thống tài chính – ngân hàng. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và sự phát triển nhanh của công nghệ tài chính (fintech), vai trò của kiểm soát nội bộ (KSNB) ngày càng quan trọng nhằm ngăn ngừa rủi ro tài chính và bảo vệ lợi ích khách hàng. Liên minh châu Âu (EU), với hệ thống tài chính tiên tiến, đã thiết lập các chuẩn mực KSNB theo khung pháp lý của Ủy ban Basel (Basel II, III, IV), tập trung vào quản lý rủi ro, tuân thủ pháp luật và phát hiện sớm lỗ hổng hệ thống. Phương pháp nghiên cứu trong bài viết bao gồm phân tích tài liệu, so sánh mô hình KSNB của EU với Việt Nam và phỏng vấn chuyên gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy EU có hệ thống KSNB hiệu quả với cơ chế giám sát chặt chẽ, minh bạch và khả năng phản ứng nhanh với khủng hoảng tài chính. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khung pháp lý kiểm soát nội bộ còn nhiều bất cập như thiếu tiêu chuẩn rõ ràng, hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Bài viết này sẽ đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế pháp lý cho Việt Nam, từ đó nâng cao hiệu quả KSNB, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, góp phần ổn định hệ thống tài chính trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung pháp lý kiểm soát nội bộ tại EU

Khung pháp lý KSNB tại Liên minh châu Âu (EU) được xây dựng trên nền tảng các nguyên tắc của Ủy ban Basel, bao gồm Basel II, III và IV. Các nguyên tắc này nhấn mạnh tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn. Basel II tập trung vào yêu cầu về vốn tối thiểu, giám sát an toàn và tính minh bạch, trong khi Basel III và IV mở rộng hơn về quản lý thanh khoản, đòn bẩy tài chính và khả năng chống chịu trước khủng hoảng [1]. Các quy định này yêu cầu các tổ chức tín dụng

(*) *Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bảo, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.*
Email: nguyenthithuthoa@iuh.edu.vn.

phải thiết lập cơ chế giám sát nội bộ độc lập, đảm bảo tính chính trực và trách nhiệm của ban quản trị. Ngoài các yêu cầu từ Basel, EU còn áp dụng nhiều chỉ thị và quy định như Chỉ thị về các yêu cầu vốn (CRD IV) và Quy định về yêu cầu vốn (CRR), yêu cầu các ngân hàng phải tuân thủ các tiêu chuẩn cao về quản lý rủi ro và bảo vệ lợi ích của khách hàng [3]. Các quy định này thúc đẩy sự minh bạch, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và giảm thiểu rủi ro hệ thống. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ tài chính (fintech) và phân tích dữ liệu trong quản lý rủi ro cũng được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống KSNB trong bối cảnh số hóa tài chính.

2.2. Mô hình tổ chức và cơ chế giám sát kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng tại EU

2.2.1. Cấu trúc tổ chức và vai trò của các đơn vị kiểm soát nội bộ

Hệ thống KSNB tại các tổ chức tín dụng ở Liên minh châu Âu (EU) được xây dựng trên nền tảng nguyên tắc quản trị minh bạch, trách nhiệm giải trình và phân quyền rõ ràng. Mô hình này thường tuân theo cấu trúc "Ba tuyến bảo vệ" (Three Lines of Defense), một khung quản lý rủi ro phổ biến giúp tối ưu hóa việc kiểm soát và giám sát rủi ro trong tổ chức tài chính.

Tuyến thứ nhất bao gồm các đơn vị kinh doanh, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý rủi ro tại nguồn, đảm bảo các hoạt động tuân thủ chính sách và quy định nội bộ. Đây là tuyến phòng thủ cơ bản nhất, với nhiệm vụ phát hiện và xử lý các rủi ro ngay từ giai đoạn đầu của quy trình kinh doanh. Các đơn vị này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng văn hóa tuân thủ [7] và quản lý rủi ro toàn diện, từ việc phê duyệt tín dụng, quản lý tài sản đến các hoạt động tài chính hàng ngày. Họ phải báo cáo kịp thời các vấn đề rủi ro lên các cấp quản lý cao hơn, đồng thời hợp tác chặt chẽ với các bộ phận giám sát và KSNB khác.

Tuyến thứ hai là các đơn vị quản lý rủi ro và tuân thủ, hoạt động độc lập với các đơn vị kinh doanh. Các đơn vị này có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ chính sách, đánh giá rủi ro và đảm bảo các biện pháp kiểm soát được thực hiện đúng cách. Chức năng này bao gồm việc phân tích rủi ro tín dụng, thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường, đồng thời thiết lập các công cụ đo lường và mô hình dự báo rủi ro để hỗ trợ quá trình ra quyết định của ban lãnh đạo [10]. Ngoài ra, các đơn vị này còn chịu trách nhiệm phát triển các chỉ số đo lường hiệu quả kiểm soát (Key Control Indicators - KCIs) và tham gia vào quá trình đánh giá, cải thiện hệ thống KSNB.

Tuyến thứ ba, kiểm toán nội bộ, là tầng bảo vệ cuối cùng, hoạt động độc lập và khách quan nhằm đánh giá tính hiệu quả và đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ. Bộ phận này báo cáo trực tiếp lên Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán, không chịu sự chi phối của các đơn vị kinh doanh hay quản lý rủi ro. Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ bao gồm đánh giá tuân thủ, kiểm tra độ chính xác của báo cáo tài chính, kiểm soát quy trình và phát hiện các lỗ hổng hệ thống. Các phát hiện từ kiểm toán nội bộ thường được sử dụng để cải thiện hệ thống KSNB, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức.

Hội đồng quản trị đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng chiến lược KSNB, phê duyệt các chính sách quản lý rủi ro và giám sát hoạt động của toàn hệ thống. Hội đồng này thường thiết lập các ủy ban chuyên trách như Ủy ban Kiểm toán (Audit Committee) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (Risk Management Committee) để hỗ trợ công tác giám sát và đánh giá hiệu quả KSNB. Các ủy ban này chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt các kế hoạch KSNB, đồng thời đảm bảo rằng các biện pháp kiểm soát được thực hiện đúng mục tiêu.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa ba tuyến bảo vệ này là yếu tố quan trọng giúp hệ thống KSNB tại EU hoạt động hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch, ổn định và an toàn cho toàn bộ hệ thống tài chính. Điều này cũng phản ánh sự cam kết của EU trong việc xây dựng một môi trường tài chính bền vững và chống lại các rủi ro hệ thống.

2.2.2. Cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ

Cơ chế giám sát hệ thống KSNB tại Liên minh châu Âu (EU) được thiết kế với nhiều lớp bảo vệ và phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn. Mô hình này không chỉ dựa trên các quy định nội bộ của từng tổ chức tín dụng, mà còn chịu sự giám sát chặt chẽ từ các cơ quan quản lý cấp cao như Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Cơ quan Giám sát Ngân hàng châu Âu (EBA) [3]. Các cơ quan này thiết lập một khung pháp lý

toàn diện và nghiêm ngặt, yêu cầu các tổ chức tín dụng tuân thủ một loạt tiêu chuẩn về quản lý rủi ro, báo cáo tài chính và kiểm toán nội bộ.

Các tổ chức tín dụng tại EU phải thực hiện kiểm toán nội bộ thường xuyên nhằm đánh giá tính hiệu quả của hệ thống KSNB. Bộ phận kiểm toán nội bộ được yêu cầu hoạt động độc lập, báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán, không chịu sự chi phối của các đơn vị kinh doanh. Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ kiểm tra tính tuân thủ của các quy trình, phát hiện các lỗ hổng hệ thống và đề xuất các biện pháp cải thiện. Các báo cáo từ kiểm toán nội bộ là cơ sở để ban lãnh đạo đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống KSNB, từ đó điều chỉnh chiến lược quản trị rủi ro phù hợp với môi trường kinh doanh.

Ngoài kiểm toán nội bộ, các tổ chức tín dụng tại EU cũng phải thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ. Các cơ quan quản lý như ECB và EBA yêu cầu các ngân hàng phải tuân thủ các quy định của Basel II, III và IV, đặc biệt là về vốn tối thiểu, thanh khoản và đòn bẩy tài chính. Cụ thể, các ngân hàng phải xây dựng hệ thống đo lường và dự báo rủi ro, bao gồm phân tích khả năng chịu đựng trước các cú sốc kinh tế (stress testing), đánh giá rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường [1]. Các báo cáo này phải được nộp định kỳ cho các cơ quan quản lý để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các tổ chức tín dụng tại EU cũng phải tuân thủ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 9, yêu cầu phân loại tài sản, dự phòng rủi ro tín dụng và quản lý thanh khoản một cách chặt chẽ [1]. IFRS 9 đưa ra các nguyên tắc nghiêm ngặt về cách phân loại và đánh giá giá trị tài sản, từ đó giúp các ngân hàng phản ánh chính xác mức độ rủi ro và tình hình tài chính. Điều này cũng góp phần tạo ra một hệ thống tài chính minh bạch, giảm thiểu rủi ro hệ thống và bảo vệ lợi ích của các bên liên quan.

Các cơ quan quản lý như ECB và EBA còn thiết lập các chương trình giám sát liên tục (continuous supervision) và đánh giá định kỳ (periodic assessment) nhằm kiểm tra mức độ tuân thủ của các ngân hàng. Các quy định này bao gồm yêu cầu về báo cáo rủi ro theo thời gian thực, sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu để phát hiện sớm các lỗ hổng và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh. Ngoài ra, các tổ chức tín dụng còn phải duy trì một cơ chế báo cáo độc lập và minh bạch, bao gồm công bố thông tin tài chính định kỳ và báo cáo về các rủi ro tiềm ẩn. Cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ tại EU không chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ mà còn được hỗ trợ bởi các quy định quốc tế như Basel và IFRS, tạo nên một mạng lưới bảo vệ nhiều lớp, đảm bảo tính minh bạch và an toàn cho toàn bộ hệ thống tài chính. Điều này cũng phản ánh sự cam kết của EU trong việc duy trì một môi trường tài chính ổn định, bảo vệ quyền lợi của khách hàng và tăng cường niềm tin vào hệ thống ngân hàng..

2.3. Bài học kinh nghiệm từ mô hình kiểm soát nội bộ của EU

2.3.1. Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

Một trong những bài học quan trọng từ mô hình KSNB của EU là việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị ngân hàng. Các tổ chức tín dụng tại EU phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin và minh bạch tài chính theo tiêu chuẩn IFRS 9 và các yêu cầu từ Basel II, III, IV. Các quy định này yêu cầu ngân hàng phải báo cáo chi tiết về tình hình tài chính, phân loại tài sản, dự phòng rủi ro tín dụng và quản lý thanh khoản. Điều này giúp nhà đầu tư, khách hàng và các cơ quan quản lý có cái nhìn rõ ràng về sức khỏe tài chính của ngân hàng, từ đó giảm thiểu rủi ro hệ thống và bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Tại Việt Nam, một số ngân hàng đã bắt đầu áp dụng IFRS 9 và các tiêu chuẩn Basel, nhưng vẫn gặp nhiều thách thức trong việc đảm bảo tính minh bạch. Các vấn đề như thông tin không đầy đủ, chậm trễ trong công bố báo cáo và khó khăn trong việc đo lường rủi ro vẫn còn phổ biến. Do đó, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ EU trong việc thiết lập các quy định nghiêm ngặt về minh bạch và trách nhiệm giải trình, từ đó tạo niềm tin cho khách hàng và nhà đầu tư.

2.3.2. Phân quyền rõ ràng và độc lập trong hệ thống kiểm soát nội bộ

EU áp dụng mô hình "Ba tuyến bảo vệ" nhằm đảm bảo tính độc lập và minh bạch trong hệ thống kiểm soát nội bộ [3]. Mô hình này bao gồm: 1) Các đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm quản lý rủi ro tại nguồn, 2) Các đơn vị quản lý rủi ro và tuân thủ nội bộ giám sát hoạt động kinh doanh, và 3) Kiểm toán nội bộ đánh giá độc lập tính hiệu quả của toàn bộ hệ thống KSNB. Sự phân quyền này giúp giảm thiểu

xung đột lợi ích và tăng cường khả năng phát hiện sớm các lỗ hổng trong hệ thống tài chính. Đối với Việt Nam, việc áp dụng mô hình này là rất cần thiết nhằm tăng cường tính minh bạch và độc lập trong quản lý rủi ro. Tuy nhiên, các ngân hàng tại Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc thiết lập các tuyến bảo vệ độc lập do thiếu nguồn lực và kinh nghiệm. Để khắc phục, cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng, hỗ trợ đào tạo và nâng cao năng lực cho các cán bộ kiểm toán và quản lý rủi ro [9].

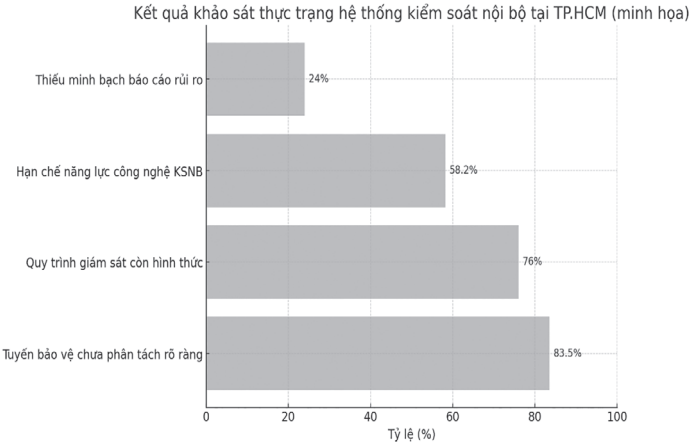
2.3.3. Ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu trong kiểm soát nội bộ

Một yếu tố quan trọng khác từ mô hình KSNB của EU là việc ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu trong quản lý rủi ro. Các ngân hàng tại EU sử dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (machine learning) và phân tích dữ liệu lớn (big data) để dự đoán rủi ro, phát hiện gian lận và tối ưu hóa quy trình KSNB. Việc sử dụng công nghệ này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm chi phí. Ở Việt Nam, một số ngân hàng đã bắt đầu triển khai công nghệ trong KSNB, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế về hạ tầng công nghệ và kỹ năng nhân sự. Để bắt kịp xu hướng này, Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, cải thiện hạ tầng kỹ thuật và phát triển các mô hình phân tích dữ liệu phù hợp với bối cảnh thị trường trong nước.

2.4. Khảo sát thực nghiệm tại Việt Nam về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức tín dụng - trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh

Mặc dù mô hình "Ba tuyến bảo vệ" đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc giảm thiểu xung đột lợi ích và nâng cao tính minh bạch tại nhiều quốc gia châu Âu, nhưng việc áp dụng mô hình này tại Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt về trình độ phát triển hệ thống ngân hàng, nhận thức quản trị rủi ro và nguồn lực thực thi. Do đó, khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn vẫn tồn tại, thể hiện qua các khảo sát thực nghiệm, khi nhiều tổ chức tín dụng chưa phân tách rõ ràng trách nhiệm giữa các tuyến bảo vệ, dẫn đến nguy cơ xung đột lợi ích và giảm hiệu quả KSNB. Để làm rõ thực trạng KSNB tại Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm tài chính lớn nhất cả nước. Khảo sát được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2025. Phương pháp kết hợp định tính và định lượng. Phiếu khảo sát gồm 20 câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ nhằm đánh giá nhận thức và mức độ đồng thuận về tính minh bạch, phân quyền và hiệu quả KSNB. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện theo bảng hỏi bán cấu trúc, tập trung làm rõ nguyên nhân hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục.

Về định lượng, 120 phiếu khảo sát đã được phát đến cán bộ quản lý, kiểm toán viên nội bộ và nhân viên tại 10 tổ chức tín dụng gồm ngân hàng thương mại cổ phần, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty tài chính. Kết quả cho thấy 83,5% người tham gia cho rằng các tuyến bảo vệ trong KSNB chưa được phân tách rõ ràng, dễ dẫn đến xung đột lợi ích; 76% đánh giá quy trình giám sát và báo cáo rủi ro còn hình thức, thiếu chỉ số đo lường hiệu quả và cơ chế cảnh báo sớm; 58,2% nhận định năng lực ứng dụng công nghệ còn hạn chế, mới dừng ở mức tin học hóa cơ bản; chỉ 24% tổ chức công bố báo cáo rủi ro định kỳ công khai. Song song đó, phỏng vấn sâu 15 chuyên gia quản trị rủi ro, giám đốc tuân thủ và kiểm toán viên cấp cao cho thấy nhiều hạn chế về văn hóa tuân thủ, thiếu hướng dẫn cụ thể trong áp dụng mô hình "Ba tuyến bảo vệ" và khó khăn về nguồn lực đầu tư



Hình 1: Tỷ lệ ý kiến đánh giá các hạn chế trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: Khảo sát của tác giả 2025

công nghệ. Kết quả khảo sát cho thấy nhóm cán bộ quản lý có xu hướng đánh giá mức độ minh bạch và hiệu quả kiểm soát cao hơn nhóm nhân viên (32% so với 18%). Tuy nhiên, cả hai nhóm đều đồng thuận rằng hạn chế lớn nhất là thiếu phân quyền rõ ràng giữa các tuyến bảo vệ.

Các phát hiện này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa thực tiễn quản trị rủi ro tại Việt Nam và tiêu chuẩn của EU, qua đó đặt ra yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường đào tạo nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ. Kết quả khảo sát cho thấy cần ưu tiên khắc phục ba hạn chế nổi bật: 1) Thiếu phân quyền độc lập giữa các tuyến bảo vệ; 2) Năng lực công nghệ còn hạn chế; 3) Mức độ minh bạch công bố rủi ro thấp. Do đó, Việt Nam cần ban hành các quy định chi tiết hơn về phân công trách nhiệm, có cơ chế khuyến khích đầu tư công nghệ và yêu cầu công khai báo cáo rủi ro định kỳ.

2.5. Khuyến nghị hoàn thiện thể chế pháp lý cho Việt Nam

Để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống KSNB, Việt Nam cần áp dụng các tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế như IFRS 9 và các nguyên tắc của Basel III, IV. Điều này bao gồm yêu cầu công bố thông tin chi tiết về tình hình tài chính, phân loại tài sản và dự phòng rủi ro tín dụng. Ngoài ra, cần thiết lập các quy định nghiêm ngặt về báo cáo rủi ro [4], yêu cầu các tổ chức tín dụng phải công khai định kỳ các chỉ số tài chính và kết quả kiểm toán nội bộ. Đây không chỉ giúp tăng cường niềm tin của khách hàng và nhà đầu tư, mà còn tạo nền tảng cho một hệ thống tài chính minh bạch và ổn định. Việt Nam cần xây dựng mô hình KSNB theo hướng phân quyền rõ ràng, với ba tuyến bảo vệ độc lập: 1) Các đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm quản lý rủi ro tại nguồn, 2) Các đơn vị quản lý rủi ro và tuân thủ nội bộ giám sát hoạt động kinh doanh, và 3) Kiểm toán nội bộ độc lập đánh giá hiệu quả toàn bộ hệ thống KSNB. Điều này đòi hỏi phải có khung pháp lý cụ thể, hướng dẫn rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng tuyến bảo vệ. Bên cạnh đó, cần phát triển các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả KSNB để đảm bảo các đơn vị này hoạt động đúng vai trò và không bị xung đột lợi ích. Việt Nam cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống KSNB, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (big data) và công nghệ blockchain để dự đoán rủi ro và phát hiện gian lận. Đồng thời, cần đầu tư vào đào tạo và phát triển kỹ năng cho các cán bộ kiểm toán và quản lý rủi ro, đảm bảo họ có đủ năng lực để áp dụng các công nghệ mới và hiểu rõ các quy định pháp lý. Việc này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả KSNB mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của hệ thống tài chính Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Mô hình KSNB tại Liên minh châu Âu (EU) là một hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến, được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của Basel và các quy định chặt chẽ từ các cơ quan giám sát như ECB và EBA. Các nguyên tắc này nhấn mạnh tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng phát hiện sớm các rủi ro, tạo nền tảng cho một hệ thống tài chính ổn định và bền vững. Qua nghiên cứu, có thể thấy rằng sự thành công của mô hình này phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tính minh bạch, phân quyền rõ ràng và ứng dụng công nghệ hiện đại. Đối với Việt Nam, việc hoàn thiện thể chế pháp lý về KSNB là một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng các thách thức của hội nhập kinh tế và sự phát triển nhanh của công nghệ tài chính. Cần tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, xây dựng hệ thống KSNB với cấu trúc rõ ràng và độc lập, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý rủi ro [8]. Việc học hỏi từ mô hình EU sẽ giúp Việt Nam phát triển một hệ thống tài chính minh bạch, an toàn và bền vững, góp phần nâng cao niềm tin của nhà đầu tư và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Kết quả khảo sát thực nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần củng cố nhận định về khoảng cách giữa thực tiễn quản trị rủi ro của Việt Nam so với chuẩn mực quốc tế và là cơ sở cho các khuyến nghị cụ thể trong nghiên cứu này. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc xây dựng một khung pháp lý mạnh mẽ, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế là bước đi quan trọng để đảm bảo sự ổn định và phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] Basel Committee on Banking Supervision (2010), *Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking*

systems (Basel III: Một khuôn khổ quản lý toàn cầu nhằm tăng cường khả năng phục hồi của các ngân hàng và hệ thống ngân hàng), Bank for International Settlements, nguồn: https://www.bis.org/publ/bcbs189.htm.

[2] Berger, A. N., & Bouwman, C. H. S. (2013), *How does capital affect bank performance during financial crises? (Vốn ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng trong các cuộc khủng hoảng tài chính?),* Journal of Financial Economics, 109(1), nguồn: https://doi.org/10.1016/j.jfineco.2013.02.008.

[3] European Banking Authority (2017), *Guidelines on internal governance under Directive 2013/36/EU (Hướng dẫn về quản trị nội bộ theo Chỉ thị 2013/36/EU),* EBA/GL/2017/11.

[4] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2022), *Báo cáo thường niên 2022 ngành ngân hang,* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.

[5] Nguyen, H. (2023), *Credit risk and financial performance of commercial banks: Evidence from Vietnam (Rủi ro tín dụng và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại: Bằng chứng từ Việt Nam),* arXiv preprint, nguồn: https://arxiv.org/abs/2304.08217.

[6] Nguyễn, T. L. (2018), *Nhân tố ảnh hưởng đến tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại Việt Nam,* Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Số 13 (3), nguồn: http://vjol.info.vn/index.php/DHNH-TPHCM/article/view/72408.

[7] Nguyễn Anh Phong, Hà Tôn Trung Hạnh (2010), *Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ ở các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,* Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 240.

[8] Nguyễn Quỳnh Hoa (2021), *Tác động của hệ thống kiểm soát nội bộ đến rủi ro tín dụng: Trường hợp các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam,* Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á, Số 178+179, nguồn: https://doi.org/10.63065/ajeb.vn.2021.178.179.67017.

[9] Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2019), *Nâng tầm của kiểm toán nội bộ trong ngân hàng thương mại theo quy định mới,* Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Số 208, nguồn: http://vjol.info.vn/index.php/HVNH-KHDAOTAONH/article/view/72408.

[10] Phạm Hải Nam, Phạm Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sơn Hải (2020), *Mối quan hệ giữa kiểm soát nội bộ và rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam,* Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á, số 177, nguồn: https://doi.org/10.63065/ajeb.vn.2020.177.66536.

[11] Vũ Thùy Linh (2018), *Hoàn thiện quy trình đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại,* Tạp chí Tài chính, số 665, nguồn: http://vjol.info.vn/index.php/TC/article/view/45838.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT...

Tiếp theo trang 240

2.3.5. Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu trực tiếp quản lý cơ sở

Người đứng đầu cơ sở cần tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp quản lý cơ sở, đặc biệt là khi có những thay đổi tại cơ sở liên quan đến công tác PCCC và CNCH; bên cạnh đó là phối hợp để được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong tổ chức hoạt động tuyên truyền, tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH, quy trình chữa cháy, sử dụng phương tiện, hệ thống PCCC và CNCH, biện pháp an toàn PCCC trong sử dụng điện và các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn cháy lan, cháy lớn tại cơ sở.

3. Kết luận

Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH ở các cơ sở nói riêng và đối với các cơ quan, tổ chức nói chung. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH hợp lý, khả thi sẽ giúp người đứng đầu cơ sở ngày càng nhận thức rõ được trách nhiệm của mình trong đảm bảo an toàn PCCC và CNCH tại cơ sở, từ đó tự giác, chủ động và tích cực thực hiện các quy định pháp luật về PCCC và CNCH góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do cháy, nổ gây ra.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Công an (2023), *Báo cáo số 12/BC-C07-P1 ngày 08/01/2024 về tổng kết công tác năm 2023 phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2024 của lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu*.

[2] Bộ Công an (2024), *Báo cáo số 12/BC-C07-P1 ngày 03/01/2025 về tổng kết công tác năm 2024 phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2025 của lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu.*

[3] Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.*

[4] Nguyễn Minh Đoan (2020), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật,* NXB Tư pháp, Hà Nội.